

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:115/2018/DS-ST

Ngày: 30-10-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;

2. Bà Lê Thị Một.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **279/2018/TLST-DS** ngày 26 tháng 6 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **137/2018/QĐXX-DSST** ngày 02 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số **91/QĐHPT-DS** ngày 16-10-2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1977;

Địa chỉ cư trú: Số 466, đường BL, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1977;

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ H, khu phố NB, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Số 43, đường NKKN, khu phố M, phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Đặng Kim L, sinh năm 1965;

Địa chỉ cư trú: Số nhà 13, đường THĐ, khu phố M, phường M, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

2. Chị Võ Thị H, sinh năm 1976;

Địa chỉ cư trú: Số 01, hẻm M, đường BL, khu phố NA, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957;

Địa chỉ cư trú: Số 274, đường TP, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Chị là là di ruột của chị T. Tháng 6-2016 (không rõ ngày cụ thể) chị có cho chị T vay số tiền 20.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng. Do có mối quan hệ họ hàng thân thích nên các bên không viết giấy nợ, biên bản giao nhận tiền. Hết thời hạn 02 tháng chị T cũng không trả tiền vốn, nên tiếp tục đóng tiền lãi 4%/tháng cho đến tháng 11-2016 âm lịch thì ngưng đóng và tuyên bố bế nợ. Khi nhận tiền lãi các bên cùng không lập giấy tờ, biên nhận. Vào tháng 02-2017 dương lịch nghe tin chị Võ Thị H trả tiền mua nhà, đất cho vợ chồng chị T tại quán cà phê HL ở khu vực CQ, thành phố TN nên chị đến đòi chị T phải trả số tiền vốn vay 20.000.000 đồng. Vợ chồng chị T không đồng ý trả nợ, đứng dậy bỏ ra về. Lúc đó còn lại bà Nguyễn Thị H, chị Võ Thị H, bà Đặng Kim L và chị cùng trao đổi về khoản nợ này. Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Võ Thị H đưa số tiền 10.000.000 đồng (trong số tiền bà H trả tiền nhà đất cho chị T) trả nợ trước số tiền vốn vay 10.000.000 đồng, chị T còn nợ lại 10.000.000 đồng. Đến nay chị T chưa trả thêm cho chị khoản tiền nào khác. Nay chị yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T trả cho chị số tiền nợ gốc còn lại là 10.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu chồng chị T liên đới trả nợ.

Theo bản tự khai ngày 28-8-2018, bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Chị và chị T là di cháu có mối quan hệ họ hàng với nhau. Vào năm 2016 chị có vay của chị T số tiền 20.000.000 đồng để làm ăn, thỏa thuận lãi suất 800.000

đồng/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, không viết giấy nợ. Chị đóng lãi đầy đủ cho chị T từ tháng 01-2016 âm lịch đến tháng 02-2017 âm lịch, khi đóng lãi không viết giấy biên nhận. Ngày 16-02-2017 do chị H trú tại khu phố NA, phường NS, thành phố TN có nợ chị số tiền 50.000.000 đồng hẹn chị đến quán cà phê HL để trả nợ. Khi đó chị T có vào quán đòi nợ chưởi mắng và đánh chị. Công an phường 1, thành phố Tây Ninh có đến can thiệp nhưng không lập biên bản. Do hoảng sợ vợ chồng chị ra về còn lại bà H, bà L, bà H (mẹ ruột chị). Khoảng 01 tuần lễ sau chị H có trả nợ cho chị và trừ số tiền 20.000.000 đồng với lý do đã trả nợ cho chị T số tiền 20.000.000 đồng. Chị có yêu cầu chị T viết giấy nhận tiền nhưng chị T không đồng ý. Hiện nay chị không còn nợ nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Người làm chứng chị Võ Thị H trình bày: Năm 2017 chị có trả tiền mua nhà cho chị T tại quán cà phê HL ở CQ, thành phố TN. Tại đây có có mặt vợ chồng chị T, bà L, chị T, bà H và chị. Chị thấy chị T có đến đòi nợ chị T số tiền 20.000.000 đồng nhưng vợ chồng chị T không trả nợ, đứng dậy bỏ về. Bà H yêu cầu chị đưa số tiền 10.000.000 đồng trả nợ cho chị T. Chị đã đưa số tiền 10.000.000 đồng để bà H trả cho chị T. Chị không thấy chị T trả số tiền 20.000.000 đồng cho chị T.

Người làm chứng bà Đặng Kim L trình bày: Việc chị T vay tiền của chị T bao nhiêu thì bà không biết. Khoảng tháng 8-2017, tại quán cà phê Hoa Lan bà có chứng kiến chị H đưa cho chị T 10.000.000 đồng trả nợ cho chị T, chị T còn nợ chị T số tiền 10.000.000 đồng.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là chị ruột của chị T, là mẹ ruột của chị T. Do có mối quan hệ thân thích với hai bên nên bà không đồng ý trả lời các câu hỏi của Tòa án liên quan đến vụ kiện này và không đồng ý làm chứng. Bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ kiện.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ vào 471, 474 của Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng T về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả

cho chị Nguyễn Thị Hồng T số tiền vốn vay là 9.250.000 đồng sau khi đã khấu trừ tiền lãi vượt quá quy định pháp luật. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc T tạm trú tại phường 3, thành phố Tây Ninh có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ 10.000.000 đồng cho chị Thiện. Do vậy xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch vay tiền được các đương sự xác định xảy ra năm 2016 tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết nội dung vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Xét thấy chị T và chị T đều trình bày thống nhất chị T có vay số tiền vốn 20.000.000 đồng của chị T vào năm 2016, không xác định cụ thể thời gian vay tiền do các bên không viết giấy nợ. Khi vay thỏa thuận lãi suất 4%/tháng tương đương với số tiền lãi 800.000 đồng/tháng.

Chị T trình bày: Tại quán cà phê HL, chị H đã lấy tiền nợ của chị trả cho chị T 20.000.000 đồng. Nhưng người làm chứng bà Đặng Kim L, chị Võ Thị H đều xác nhận tại quán cà phê HL, chị H chỉ giao số tiền 10.000.000 đồng để chị T trả cho chị T. Do vậy có cơ sở xác định chị T còn nợ chị T số tiền vốn vay 10.000.000 đồng. Chị T đòi nợ nhiều lần nhưng đến nay chị T vẫn chưa trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Về tiền lãi: Các bên đều thừa nhận khi vay có thỏa thuận lãi suất 4%/tháng tương đương với số tiền 800.000 đồng/tháng; khi trả tiền lãi không lập biên bản giao nhận. Chị T trình bày đã nhận lãi từ tháng 6-2016 đến tháng 11-2016 là 6 tháng x 800.000 đồng/tháng = 4.800.000 đồng. Chị T trình bày đã trả tiền lãi từ tháng 01-2016 âm lịch cho đến tháng 2-2017 âm lịch nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do lãi suất các bên thỏa thuận là 4% vượt quá quy định tại Khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 nên lãi suất được tính là 9%/năm x 150% = 1,125%

tháng. Thời gian vay nợ không xác định được cụ thể ngày nào của tháng 6-2016 nên chị T đồng ý áp dụng Bộ luật Dân sự tính từ ngày 30-6-2016. Tiền lãi được tính như sau:

Từ 30-6-2016 đến 30-02-2017 là 8 tháng x 20.000.000 đồng x 1,125% = 1.800.000 đồng.

Từ 30-02-2017 đến 30-10-2018 là 20 tháng x 10.000.000 đồng x 1,125%/tháng = 2.250.000 đồng.

Tổng cộng là 4.050.000 đồng. Do chị T khai đã nhận lãi 4.800.000 đồng nên bị khấu trừ vào vốn số tiền 750.000 đồng lãi vượt. Tại phiên Tòa chị T đồng ý khấu trừ số tiền lãi vượt là 750.000 đồng vào tiền vốn vay nên ghi nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T buộc chị T trả số tiền 9.250.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ 9.250.000 đồng x 5% = 462.500 đồng.

Chị T không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí.

[5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào 471, 474, Khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng T đối với chị Nguyễn Thị Ngọc T về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Hồng T số tiền vốn vay còn lại là 9.250.000 đồng (*Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Nguyễn Thị Hồng T không phải chịu án phí được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số **0005663 ngày 26-6-2018 của** Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu số tiền 462.500 (Bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TTN;
- VKSND.TPTN;
- CC.THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Như Sơn